**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỀU ĐIỂM – NGỮ VĂN 10**

1. **Đọc hiểu (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm** |
| 1 | Thể thơ: lục bát /Lục bát biến thể/ tự do | 0,5 |
| 2 | Nội dung đoạn thơ: Từ mối quan hệ gắn bó giữa các sự vật trong tự nhiên (con ong, con cá, con chim, cây lúa...) với môi trường sống và đồng loại, đoạn thơ thể hiện lẽ sống con người: Hãy sống yêu thương; tự nguyện sống hòa nhập, gắn bó cá nhân với cộng đồng.  HS có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục.  -Điểm 0,5: Trả lời đúng, đầy đủ nội dung trên hoặc diễn đạt theo cách khác nhưng hợp lí.  -Điểm 0,25: Trả lời được 1/2 nội dung trên; trả lời chung chung, chưa thật rõ ý.  -Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời. | 0.5 |
| 3 | Biện pháp tu từ được sử dụng trong 2 câu thơ: liệt kê, lặp cấu trúc ngữ pháp, điệp từ, nhân hóa...  Tác dụng: Tạo nhịp điệu thơ hài hòa, cân đối, thiết tha; Nhấn mạnh sự gắn bó của sự vật với môi trường sống...  -Điểm 1,0: Trả lời đúng 2 biện pháp tu từ và hiệu quả biểu đạt của các biện pháp đó.  -Điểm 0,5: Trả lời đúng và nêu được hiệu quả biểu đạt 1 biện pháp tu từ hoặc chỉ ra được 2 biện pháp tu từ nhưnkhông nêu được hiệu quả biểu đạt.  -Điểm 0,25: Chỉ ra được 1 biện pháp tu từ  -Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời  *\* Lưu ý:*   * HS có thể chỉ ra cụ thể biện pháp tu từ hoặc nêu đúng tên biện pháp tu từ cũng cho điểm; nếu học sinh nêu đúng tên biện pháp tu từ nhưng chỉ ra sai thì không cho điểm. * HS có thể trả lời riêng tác dụng của từng biện pháp hoặc trả lời gộp tác dụng của 2 biện pháp đều cho điểm. | 1.0 |
| 4 | Gợi ý đoạn văn về lẽ sống của con người trong xã hội hiện nay:  Mỗi người cần có trách nhiệm với chính cuộc sống của mình, sống có ích, hướng đến những điều tốt đẹp, cống hiến cho xã hội.  Sống yêu thương, chan hòa với những người xung quanh, có ý thức đoàn kết với mọi người để tạo thành khối sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.   * Điểm 2,0: Nắm được đầy đủ nội dung cũng như kĩ năng viết đoạn văn nghị luận; diễn đạt tốt, có sức thuyết phục... * Điểm 1,5: Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trên, song một số ý còn chưa đầy đủ hoặc cách trình bày, diễn đạt chưa thật rõ ràng, thuyết phục. * Điểm 1,0: Đáp ứng 2/3 các yêu cầu trên. * Điểm 0,5: Đáp ứng 1/3 các yêu cầu trên * Điểm 0: Không đáp ứng được bất kì yêu cầu nào trong các yêu cầu trên | 2,0 |

**II. Làm văn(7.0 điểm)**

**2.Yêu cầu về kiến thức:** HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng sau đây là vài gợi ý:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bố cục** | **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm** |
| **Mở bài** | Giới thiệu về tác giả Nguyễn Bỉnh Khiêm và tập thơ *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*:  + Nguyễn Bỉnh Khiêm là nhà thơ lớn nhất Việt Nam thế kỉ XVI với những sáng tác ghi dấu mốc lớn trên con đường phát triển lịch sử văn học.  *+ Bạch vân quốc ngữ thi tập* là tập thơ Nôm nổi tiếng của ông.  - Giới thiệu bài thơ *Nhàn* (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, nội dung): là bài thơ Nôm số 73 trong tập *Bạch vân quốc ngữ thi tập*, làm khi tác giả cáo quan về ở ẩn, nói về cuộc sống thanh nhàn nơi thôn dã và triết lí sống của tác giả. | 0,5 |
| khó | ***Hai câu đề:*** Hoàn cảnh sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm.  - Mai, cuốc, cần câu: Là những dụng cụ lao động cần thiết, quen thuộc của người nông dân.  - Phép liệt kê kết hợp với số từ “một”: Gợi hình ảnh người nông dân đang điểm lại công cụ làm việc của mình và mọi thứ đã sẵn sàng.  - Nhịp thơ 2-2-3 thong thả đều đặn  → Cuộc sống ở quê nhà của Nguyễn Bỉnh Khiêm gắn bó với công việc nặng nhọc, vất vả, lam lũ của một lão canh điền. Nhưng tác giả rất yêu và tự hào về thú vui điền viên ấy.  - Trạng thái “thơ thẩn”: chăm chú vào công việc, tỉ mẩn  -> Tâm trạng hài lòng, vui vẻ cùng trạng thái ung dung, tự tại của nhà thơ.  - Cụm từ phủ định “dầu ai vui thú nào”: Phủ nhận những thú vui mà người đời thường hay theo đuổi  => Hai câu thơ khái quát hoàn cảnh sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm ở quê nhà vất vả, lam lũ, mệt nhọc nhưng tâm hồn lúc nào cũng thư thái, thanh thản. > Tâm thế ung dung, tự tại, triết lí sống nhàn của ẩn sĩ “nhàn tâm”.  ***\* Hai câu thực:*** Quan niệm sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm  - Nghệ thuật đối: ta – người, dại – khôn: Nhấn mạnh quan niệm sống mang tính triết lí, thâm trầm của nhà thơ.  - Nghệ thuật ẩn dụ: + “Nơi vắng vẻ”: Tượng trưng cho chốn yên tĩnh, thưa người, nhịp sống yên bình, êm ả. Ở đây ngụ ý chỉ chốn quê nhà  + “Chốn lao xao”: Tượng trưng cho chốn ồn ào, đông đúc huyên náo, tấp nập, cuộc sống xô bồ, bon chen, giành giật, đố kị. Ở đây chỉ chốn quan trường.  - Cách nói ngược: Ta dại – người khôn:  + Ban đầu có vẻ hợp lí vì ở chốn quan trường mới đem lại cho con người tiền tài danh vọng, còn ở thôn dã cuộc sống vất vả, cực khổ. + Tuy nhiên, dại thực chất là khôn bởi ở nơi quê mùa con người mới được sống an nhiên, thanh thản. Khôn thực chất là dại bởi chốn quan trường con người không được sống là chính mình.  ⇒ Thể hiện quan niệm sống “lánh đục về trong” của Nguyễn Bỉnh Khiêm  ⇒ Thái độ tự tin vào sự lựa chọn của bản thân và hóm hỉnh mỉa mai quan niệm sống bon chen của thiên hạ. ***\* Hai câu luận:***Cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm ở chốn quê nhà.  - Sự xuất hiện của bốn mùa: Xuân, hạ, thu, đông.  - Cuộc sống gắn bó, hài hòa với tự nhiên của Nguyễn Bỉnh Khiêm  - Việc ăn uống: Thu ăn măng trúc, đông ăn giá.  - Là những món ăn thôn quê dân giã, giản dị thanh đạm và có nguồn gốc tự nhiên, tự cung tự cấp  - Chuyện sinh hoạt: Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao  - Thói quen sinh hoạt tự nhiên, thoải mái, có sự giao hòa, quấn quýt giữa con người với thiên nhiên.  - Cách ngắt nhịp 4/3 nhịp nhàng, kết hợp với cách điệp cấu trúc câu → Gợi sự tuần hoàn, nhịp nhàng thư thái, thong thả.  ⇒ Hai câu thơ miêu tả bức tranh bốn mùa có cả cảnh đẹp, cả cảnh sinh hoạt của con người  ⇒ Sự hài lòng về cuộc sống đạm bạc, giản dị, hòa hợp với tự thiên mà vẫn thanh cao, tự do thoải mái của Nguyễn Bỉnh Kiêm.  ***\* Hai câu kết:***Triết lí sống nhàn  - Sử dụng điển tích giấc mộng đêm hòe: Coi phú quý tựa như một giấc chiêm bao  -> Thể hiện sự tự thức tỉnh, tự cảnh tỉnh mình và đời, khuyên mọi người nên xem nhẹ vinh hoa phù phiếm.  - Động từ “nhìn xem”: Tô đậm thế đứng cao hơn người đầy tự tin của Nguyễn Bỉnh Khiêm  ⇒ Triết lí sống Nhàn: Biết từ bỏ những thứ vinh hoa phù phiếm vì đó chỉ là một giấc mộng, khi con người nhắm mắt xuôi tay mọi thứ trở nên vô nghĩa, chỉ có tâm hồn, nhân cách mới tồn tại mãi mãi.  ⇒ Thể hiện vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Bỉnh Khiêm: Coi khinh danh lợi, cốt cách thanh cao, tâm hồn trong sáng  ***\* Nghệ thuật***  - Ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, dễ cảm  - Cách kể, tả tự nhiên, gần gũi  - Các biện pháp tu từ: Liệt kê, đối lập, điển tích điển cố.  - Nhịp thơ chậm, nhẹ nhàng, hóm hỉnh | 1,0  1,0  1.0  1,0  0,5 |
| **Kết bài** | Khái quát nội dung và nghệ thuật của bài thơ **Nhàn**  - Thể hiện những cảm nhận của mình về bài thơ: Là bài thơ hay, giàu ý nghĩa. | 0,5 |
|  | Diễn đạt lưu loát, hành văn mạch lac, trong sáng, trôi chảy, có sáng tạo. | 0,5 |

***\* HS có thể có những cách trình bày khác nhau, cảm nhận cá nhân sáng tạo, GV linh hoạt cho điểm.***

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỀU ĐIỂM – NGỮ VĂN 11**

1. **Phần Đọc – Hiểu (3.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | Phương thức biểu đạt chính: nghị luận | **0.5** |
| 2 | Theo tác giả, người có tính chủ động là những người tự tin và biết mình cần làm gì trong cuộc sống | **0.5** |
| 3 | HS nêu rõ ý kiến của bản thân: đồng tình/không đồng tình/ vừa đồng tình vừa không đồng tình:  HS lí giải thuyết phục, hợp lí.  Gợi ý: Đồng tình vì: khi chủ động, chúng ta sẽ tìm ra phương án tốt nhất để giải quyết tình huống, hoàn cảnh, từ đó chúng ta dễ thành công hơn trong cuộc sống. | **0.25**  **0.75** |
| 4 | Bài học:  - Luôn chủ động trong mọi tình huống.  - Có thái độ tự tin trong cuộc sống.  - Không lùi bước trước khó khăn.  - Suy nghĩ trước khi hành động...  *HS trả lời 01 bài học được 0.5 điểm, từ 2 bài học trở lên là được điểm tối đa.* | **1.0** |
| *Tổng* | | 1. ***điểm*** |

1. **Làm văn (7 điểm)**

**Câu 1: (2 điểm) Nghị luận xã hội**

|  |  |
| --- | --- |
| Đảm bảo cấu trúc một đoạn văn, dùng từ trong sáng, đúng chính tả, diễn đạt mạch lạc | ***0.25*** |
| Xác định đúng vấn đề nghị luận: Sự cần thiết của thái độ tự tin trong cuộc sống | ***0.25*** |
| **Mở đoạn:** giới thiệu vấn đề nghị luận | ***0.25*** |
| **Thân đoạn**  - Giải thích: Tự tin là không bao giờ ngần ngại trước bất kì khó khăn, thử thách nào. Dù là thất bại nhưng họ vẫn xem đó là cơ hội để dẫn đến thành công.  - Phân tích sự cần thiết của thái độ tự tin:Trong cuộc sống cũng như trong học tập, tự tin đóng vai trò vô cùng quan trọng.  + Là yếu tố đầu tiên dẫn đến mọi thành công trong công việc, có thể lấy dẫn chứng một số gương tiêu biểu về các anh hùng, nhà bác học, doanh nhân thành đạt đi lên từ số 0 nhưng nhờ sự tự tin và nỗ lực của bản thân họ đã thành công (Nick Vujic, cô gái xương thủy tinh Nguyễn Thị Phương Anh gây sốt sân khấu Viet Nam Got Talent).  + Sự tự tin giúp cho bản thân chúng ta thêm vững tin vào cuộc sống, thêm yêu đời hơn, giúp ta vượt qua nỗi sợ hãi, bi quan, chán nản.  + Tự tin trong giao tiếp giúp ta có thêm nhiều bạn bè, các mối quan hệ làm ăn. Tự tin trong năng lực giúp ta theo đuổi mục tiêu một cách kiên trì không ngại khó.  - Phê phán: những người thiếu tự tin hoặc tự phụ trong cuộc sống. | ***1.0*** |
| **Kết đoạn:** Bài học nhận thức và hành động, liên hệ bản thân | ***0.25*** |
| **Tổng** | ***2.0 điểm*** |

**Câu 2: (5 điểm) Nghị luận văn học**

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung | **Điểm** |
| 1. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận | ***0.25*** |
| 1. Xác định vấn đề nghị luận: Hình tượng nhân vật Chí Phèo trước khi gặp Thị Nở | ***0.5*** |
| 1. Cảm nhận về nhân vật Chí Phèo trước khi gặp Thị Nở   **Mở bài**  **-** Giới thiệu về tác giả Nam Cao và tác phẩm “Chí Phèo”.  - Giới thiệu nhân vật Chí Phèo trước khi gặp Thị Nở.  **Thân bài:**  **\* Luận điểm 1:** Xuất thân và cuộc sống của Chí Phèo trước khi ở tù  – Hoàn cảnh gia đình: Từ khi sinh ra, Chí Phèo đã không cha, không mẹ, không nhà, không cửa, thậm chí một tấc đất cắm dùi cũng không. Chí được người dân làng Vũ Đại nhặt về nuôi nấng. Cậu bé Chí lơn lên trong tình yêu thương chân chất của dân làng hiền lành.  – Chí Phèo lớn lên có những phẩm chất tốt đẹp:  + Anh canh điền khỏe mạnh, chăm chỉ, hiền lành.  + Chí cũng như bao chàng trai thiện lương khác, mơ về cuộc sống gia đình giản dị: có một ngôi nhà nho nhỏ, chồng cày thuê cuốc mướn…  + Chí cò lòng tự trọng: Khi bà ba Bá Kiến gọi lên xoa bóp, đấm lưng, Chí cảm thấy nhục. Điều đó chứng tỏ Chí rất có lòng tự trọng. Chí có ý thức về nhân phẩm của mình. Và Chí đã sống yên ổn tốt đẹp như bao người khác trong khoảng 20 năm đầu đời.  **\* Luận điểm 2:** Những biến đổi của Chí Phèo sau khi ra tù  – Nguyên nhân Chí Phèo bị bắt vào tù:  + Vì ghen tuông vô cớ, Bá Kiến đã đẩy Chí Phèo vào tù.  – Sau khi ra tù:  + Hình dạng: “Cái đầu trọc lốc, hàm răng cạo trắng hớn, cái mặt thì câng câng đầy những vết sứt sẹo, hai con mắt gườm gườm” ⇒ Chí Phèo mang dáng hình của một tên lưu manh.  + Nhân tính: du côn, du đãng, triền miên trong cơn say, đập đầu, chửi bới, phá phách và làm công cụ cho Bá Kiến ⇒ Chí Phèo đã đánh mất nhân tính.  -> Chí đã bị cướp đi cả nhân hình lẫn nhân tính, trở thành “con quỷ dữ” của làng Vũ Đại.  => Từ đây đi đến khẳng định, Chí Phèo là hình tượng điển hình cho người nông dân bị áp bức đến cùng cực.  **\* Luận điểm 3:** Nhận xét về nghệ thuật  - Xây dựng nhân vật điển hình.  - Phân tích tâm lí nhân vật tinh tế, sâu sắc.  **\* Luận điểm 4:** Nhận xét về cách mở đầu truyện  + Tiếng chửi là phản ứng của Chí Phèo với xã hội. Thể hiện tâm trạng bất mãn cao độ khi bị làng xóm, xã hội gạt bỏ.  + Tiếng chửi thể hiện khao khát được giao tiếp với đồng loại của Chí.  + Thể hiện sự cô đơn của Chí giữa cuộc đời.  -> Mở đầu độc đáo thông qua tiếng chửi của Chí Phèo, gây sự tò mò, chú ý cho người đọc.  **Kết bài:**  Đánh giá về giá trị nội dung và nghệ thuật . | ***0.5***  ***1.0***  ***1.5***  ***0.25***  ***0.5***  ***0.25*** |
| c. Kĩ năng viết:  - Dùng từ chính xác, trong sáng, đúng chính tả  - Đặt câu đúng ngữ pháp tiếng Việt.  - Trình bày mạch lạc, chặt chẽ, rõ ràng, cẩn thận | ***0.25*** |
| *Tổng* | ***5.0 điểm*** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM – NGỮ VĂN 12**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu**  **(3.0 điểm)** | 1 | Theo văn bản: *thành công là đạt được những điều mong muốn, hoàn thành mục tiêu của mình.* | 0.5 |
| 2 | Theo tác giả, thành công để làm gì quan trọng hơn. | 0.5 |
| 3 | - Tác giả cho rằng: quan niệm thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, là ảo tưởng vì: Trên thực tế, có nhiều người thành công nhưng không hạnh phúc. | 1.0 |
| 4 | **HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau:**  - Nêu rõ quan điểm đồng tình hay không đồng tình;  lí giải hợp lí, thuyết phục.  **Gợi ý:**  + Hạnh phúc là động lực thúc đẩy ta hành động tích cực  + Hạnh phúc là mục tiêu để ta phấn đấu  *(Nếu HS trả lời được 1 ý: 0.5 điểm; 2 ý: 0.75 điểm).* | 0.25  0.75 |
| **II.Làm văn**  **(7.0 điểm)** | **Câu 1**  **(2.0 điểm)** | Viết đoạn văn 200 chữ trình bày suy nghĩ về việc ***làm thế nào để có cuộc sống hạnh phúc.*** | 2.0 |
| 1. **Yêu cầu:**  * Đảm bảo cấu trúc một đoạn văn: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. * Dung lượng: khoảng 200 chữ * Diễn đạt bằng ngôn ngữ trong sáng, logic, làm nổi bật được nội dung trọng tâm của đề bài. |  |
|  | 1. **Đảm bảo các ý chính sau:**   **\* Mở đoạn:** dẫn dắt, giới thiệu được vấn đề nghị luận: ***làm thế nào để có cuộc sống hạnh phúc.***  **\*Thân đoạn:**  - Giải thích: Hạnh phúc là một trạng thái cảm xúc tích cực của con người, có được khi họ có được niềm vui, thỏa mãn từ một việc gì đó. Hạnh phúc có thể bắt nguồn từ những điều lớn lao, có thể đến từ những điều nhỏ bé, giản dị.  - Bàn luận cách thức để có cuộc sống hạnh phúc:  + Muốn có cuộc sống hạnh phúc con người phải có sự thành công  + Muốn thành công phải sống có mục tiêu tích cực.  + Phải thường xuyên rèn luyện bản thân, trau dồi ý chí, nghị lực, học tập nâng cao kiến thức, hoàn thiện kĩ năng.  + Phải có tâm hồn rộng mở, biết yêu thương, cho đi và luôn hướng đến những điều tốt đẹp.  - Dẫn chứng thuyết phục.  - Phê phán: nhận thức sai lệch về hạnh phúc (ngộ nhận có thành công sẽ hạnh phúc); những người sống không có mục tiêu, không nỗ lực…để thành công.  **\* Kết đoạn:** bài học liên hệ | 0.25  0.25  0.75  0.25  0.25  0.25 |
| **Câu 2 (5.0 điểm)** | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.* | ***0.25*** |
| *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Hình tượng ông lái đò qua đoạn trích: “ngoặt khúc sông…tả ngạn sông”, qua đó thấy được đặc điểm phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.* | ***0.5*** |
| **I. Mở bài**  - Giới thiệu một số nét tiêu biểu về tác giả Nguyễn Tuân: Vị trí và phong cách nghệ thuật của nhà văn.  - Nêu khái quát chung về tác phẩm “Người lái đò Sông Đà”  - Khái quát đoạn trích: vị trí, nội dung.  **II. Thân bài**  **\* Giới thiệu khái quát về người lái đò (lai lịch, ngoại hình…)**  **\* Vẻ đẹp trí dũng thể hiện qua cuộc chiến đấu với Sông Đà ở trùng vi thạch trận đầu tiên.**  **- Diễn biến cuộc chiến:**  + Khái quát lại sự nguy hiểm của Sông Đà trong trùng vi thạch trận thứ nhất (sông Đà bày thạch trận)  + Vẻ đẹp người lái đò trong cuộc chiến ở trùng vi thứ nhất:  ++ Khi thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vụt tới ở một tư thế hiên ngang, chủ động không hề sợ hại sẵn sàng nghênh chiến đối đầu với dòng thác dữ.  ++ Ông lái đò hai tay giữ chặt mái chèo để khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình-> Sự vững vàng để đối chọi luồng nước dữ.  ++ Trước đoàn quân liều mạng sóng nước xông vào (…), ông đò “cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cái cuống lái, mặt méo bệch đi” nhưng vẫn kiên cường vượt qua cuộc hỗn chiến, vẫn cầm lái chỉ huy “ngắn gọn mà tỉnh táo” để phá tan trùng vi thạch trận thứ nhất.  => Kết quả: Vậy là phá xong trùng vi thạch trận vòng thứ nhất. Nổi bật lên sự dũng cảm, kiên cường, thông minh, tỉnh táo của ông lái đò.  **- Tính chất cuộc chiến:** nghệ thuật tương phản đã làm nổi bật một cuộc chiến không cân sức:  + Một bên là thiên nhiên bạo liệt, hung tàn, sức mạnh vô song với sóng nước, với thạch tinh nham hiểm.  + Một bên là con người bé nhỏ trên chiếc thuyền con én đơn độc và vũ khí trong tay chỉ là những chiếc cán chèo.  => Cuộc chiến không cân sức nhằm tôn vinh vẻ đẹp của con người trong công cuộc chinh phục tự nhiên.  **\* Nhận xét về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân qua đoạn trích:**  - Ngôn ngữ: linh hoạt, sáng tạo, tài hoa  - Kết hợp giữa kể và tả nhuần nhuyễn  - Huy động vốn hiểu biết trên nhiều lĩnh vực khác nhau  - Nghệ thuật khắc họa hình tượng nhân vật độc đáo. | ***0.5***  ***0.25***  ***1.5***  ***0.5***  ***0.5*** |
| **III. Kết bài: (0.5 điểm)**  - Vẻ đẹp hình tượng người lái đò.  - Phong cách nghệ thuật độc đáo, tài hoa và uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân. | ***0.5*** |
| **Yêu cầu:**   * Lối diễn đạt, ngôn ngữ trong sáng, không sai lỗi chính tả * Dùng từ, viết câu đúng ngữ pháp * Sáng tạo | ***0.5*** |